

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An giai đoạn 2017 - 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1110/TTr-SYT ngày 08/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An giai đoạn 2017 - 2019 (có Phương án cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nội vụ; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Y tế; Bộ Tài chính (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- CV: VX (c. Hương);
- Công TTĐT Nghệ An;
- Công báo Nghệ An;
- Lưu: VT, UB

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Thông

Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2017

PHƯƠNG ÁN

**TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ VÀ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN (2017 - 2019)
ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂY NAM TỈNH NGHỆ AN.
LOẠI HÌNH: ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Quyết định số: 1988/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. THỰC TRẠNG BỆNH VIỆN ĐKKV TÂY NAM

1. Về chức năng nhiệm vụ được giao

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam tỉnh Nghệ An là Bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, trực thuộc Sở Y tế Nghệ An, chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp về tổ chức và hoạt động của Sở Y tế. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An có nhiệm vụ: khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân huyện Con Cuông, khu vực Tây Nam và nhân dân cùng tuyến khám, chữa bệnh trong và ngoài tỉnh; Là cơ sở đào tạo thực hành cho Trường Đại học Y khoa Vinh; Thực hiện chỉ đạo tuyến dưới (TYT phường, xã khu vực Tây Nam Nghệ An) về công tác phòng chống dịch bệnh.

Trong thời gian qua, Bệnh viện hoạt động theo cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, loại hình đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên (Thuộc nhóm III theo phân loại quy định tại Nghị định số 85/2012/NĐ-CP).

2. Về tổ chức bộ máy, biên chế

a) Tổ chức bộ máy:

Hiện có 17 khoa/phòng, bao gồm:

- Ban Giám đốc: 03 người (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc);
- 04 Phòng chức năng:
 - + Phòng Kế hoạch tổng hợp;
 - + Phòng Tổ chức Hành chính;
 - + Phòng Tài chính kế toán;
 - + Phòng Điều dưỡng.
- 03 Khoa cận lâm sàng;



- + Khoa Dược
- + Khoa Cận lâm sàng;
- + Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- 10 Khoa lâm sàng:
- + Khoa Khám bệnh;
- + Khoa Ngoại;
- + Khoa Sản;
- + Khoa Liên chuyên khoa Răng hàm mặt - Tai mũi họng - Mắt;
- + Khoa Nội;
- + Khoa Nhi;
- + Khoa Hồi sức cấp cứu;
- + Khoa Truyền nhiễm;
- + Khoa Đông Y;
- + Khoa Gây mê hồi sức;

b) Biên chế, cơ cấu cán bộ:

Tổng số cán bộ, viên chức hiện có: 173 (cán bộ hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 10 người);

- Bác sỹ: 30 (trong đó CKII: 02; CKI: 07; CK định hướng: 09; Bác sỹ: 12)
- Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, KTV: 96 (trong đó đại học: 04; cao đẳng: 18; trung học 74).

- Dược 10 (DSCKI: 01, đại học: 02, trung học: 07)
- Cán bộ khác: 27.

3. Về cơ sở vật chất- Trang thiết bị

a) Về cơ sở vật chất:

- Bệnh viện được xây dựng trên diện tích: 50.186,7 m², bao gồm 9 khu nhà:

- + Nhà số 1 (3 tầng): Phòng Giám đốc, 02 phòng phó giám đốc, 04 phòng chức năng, khoa Khám bệnh, khoa Liên chuyên khoa, Khoa Dược
- + Nhà số 2 (2 tầng): 1.660 m²: Khoa Gây mê, Khoa Cận lâm sàng
- + Nhà số 3 (2 tầng): Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Nội.
- + Nhà số 4 (2 tầng): Khoa Nhi, Khoa Đông Y.
- + Nhà số 5 (2 tầng): 1320 m²: Khoa Ngoại, Khoa Sản
- + Nhà số 6: Khoa Truyền nhiễm
- + Nhà số 7: Khoa Khống chế nhiễm khuẩn
- + Nhà số 8: Nhà Dinh Dưỡng
- + Nhà số 9: Nhà Tang lễ

Và một số công trình khác: Nhà cầu, nhà trực bảo vệ, gara ô tô, nhà đặt máy bơm nước, nhà đặt máy phát điện....

b) Về trang thiết bị y tế: (Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

(Chữ ký)

Trang thiết bị y tế của Bệnh viện hiện nay cơ bản đáp ứng tốt cho công tác khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế, hiện tại bệnh viện có trên 95 loại máy móc, trang thiết bị y tế, trong đó có một số trang thiết bị công nghệ cao, như: Máy CT.Scanner 16 lát cắt; Máy chụp XQ kỹ thuật số; Máy siêu âm tim-Doppler mạch; Máy xét nghiệm sinh hóa AU 680; Máy xét nghiệm miễn dịch; ...

Ngoài ra Bệnh viện trang bị đầy đủ các loại máy hấp, sấy, giặt là tại Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, hệ thống xử lý chất thải lỏng, hệ thống Oxy – khí nén trung tâm và mạng LAN nội bộ...

4. Về kết quả thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được giao

- Số giường bệnh theo chỉ tiêu (năm 2016): 185 giường;
- Số giường bệnh thực kê: 350 giường;
- Công suất sử dụng giường bệnh trong 03 năm (2014- 2016): 125,5%;
- Công suất sử dụng giường bệnh trong 12 tháng 2016: 137,42%.

Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Giường bệnh kế hoạch	giường	170	185	185
	Giường bệnh thực kê	giường	205	220	350
2	Công suất sử dụng giường bệnh KH	%	120,6%	118,9%	137%
3	Tổng số khám bệnh	Lượt	35.203	42.722	56.242
4	Tổng số điều trị nội trú	Lượt	9.310	10.314	12.801
5	Tổng số điều trị ngoại trú	BN	168	56	542
8	Ngày điều trị trung bình BN nội trú	Ngày	6,7	7	7,2
9	Tổng số ca phẫu thuật, trong đó:	Ca	887	1.052	1.461
10	Tổng số thủ thuật	Ca		21.871	37.357
11	Tỉ lệ chuyên tuyến	%	4,8	5,2	2,99
12	Ngày điều trị nội trú	Ngày	77.846	78.145	92.791

Thời gian qua, Bệnh viện đã tập trung xây dựng, phát triển mạnh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, triển khai được nhiều kỹ thuật mới. Thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng người bệnh; Xây dựng bệnh viện “Xanh- Sạch- Đẹp” theo Kế hoạch của Bộ Y tế. Từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Số lượng người bệnh đến khám bệnh trung bình 220 người/ngày; Điều trị nội trú luôn ổn định ở mức 254 bệnh nhân.

Bệnh viện là một trong những cơ sở khám chữa bệnh tin cậy của nhân dân khu vực Tây Nam Nghệ An, các huyện trong tỉnh và các vùng lân cận của tỉnh bạn.



5. Về tình hình nguồn thu, chi tài chính của Bệnh viện giai đoạn 2014-2016 (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An có mức tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên theo kế hoạch đạt 114 %. Theo cách xác định phân loại đơn vị sự nghiệp tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, Bệnh viện đủ điều kiện được phân loại theo loại hình "Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên" (nhóm II).

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

- Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước số 09/2009/QH12 của Quốc hội ngày 03/6/2008 và các văn bản, quy định của pháp luật có liên quan;

- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

- Quyết định số 5419/QĐ-BV ngày 05/12/2008 của UBND tỉnh về việc thành lập Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam tỉnh Nghệ An.

Phần II

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2017- 2019

I. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam hoạt động theo loại hình "Đơn vị có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên" (thuộc nhóm II- phân loại đơn vị sự nghiệp y tế theo quy định của Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính Phủ).

Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Sở Y tế, UBND tỉnh và trước pháp luật đối với việc điều hành và kết quả về việc triển khai quyền tự chủ về

thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị. Bảo đảm chất lượng bệnh viện, dịch vụ khám chữa bệnh theo các tiêu chí, tiêu chuẩn hiện hành của Bộ Y tế.

Giám đốc Bệnh viện có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phương án tự chủ theo lộ trình được phê duyệt. Tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi kết thúc Phương án. Đồng thời báo cáo Sở Y tế, UBND tỉnh kết quả thực hiện và những đề xuất về loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

II. PHƯƠNG ÁN CỤ THỂ

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

a) Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, hàng năm Bệnh viện chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả. Định kỳ báo cáo Sở Y tế về kế hoạch và kết quả hoạt động (để theo dõi, kiểm tra và giám sát thực hiện).

Quy mô giường bệnh của Bệnh viện đến năm 2019: 200 giường bệnh theo lộ trình cụ thể như sau:

- Năm 2017: 200 giường bệnh;
- Năm 2018: 200 giường bệnh;
- Năm 2019: 200 giường bệnh.

(*) Về phát triển giường bệnh xã hội hóa: Giao Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển y tế.

b) Tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Chủ động quyết định các biện pháp để tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật, trong đó chú trọng việc đảm bảo các điều kiện về nhân lực, chuyên môn nghiệp vụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện và cung cấp các dịch vụ đạt tiêu chuẩn, chất lượng cho người bệnh.

Bệnh viện thành lập Hội đồng chuyên môn, có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các quy trình chuyên môn, phác đồ điều trị phù hợp với tình hình thực tế và triển khai áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị.

Đối với việc triển khai các danh mục kỹ thuật: Trên cơ sở danh mục phân tuyến chuyên môn, kỹ thuật của Bộ Y tế và căn cứ vào tình hình thực tế, Bệnh viện lập hồ sơ, trình Sở Y tế thẩm định và phê duyệt danh mục kỹ thuật triển khai thực hiện tại đơn vị.

Bệnh viện được phép vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, đơn vị có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp

luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn. Việc triển khai thực hiện phải đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị.

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của nhân dân, cơ cấu số lượng khoa, phòng theo quy định tại Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ Y tế, cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị giai đoạn 2017-2019 cụ thể như sau:

- Lãnh đạo Bệnh viện: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- Cơ cấu các khoa/phòng và tiến trình tổ chức thực hiện cụ thể như sau:

Năm 2017:

a) *Lãnh đạo Bệnh viện: Giám đốc và không quá 02 phó giám đốc;*

b) *Các phòng chức năng: Tối đa 04 phòng, gồm:*

- Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Phòng Tổ chức hành chính;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Điều dưỡng

c) *Các khoa: Tối đa 15 khoa, gồm:*

- Khoa Khám bệnh
- Khoa Nội
- Khoa Ngoại
- Khoa Sản
- Khoa Nhi
- Khoa Đông Y
- Khoa Truyền nhiễm
- Khoa Gây mê hồi sức
- Khoa Liên chuyên khoa răng hàm mặt – Tai mũi họng - mắt
- Khoa Hồi sức cấp cứu
- Khoa Hồi sức tích cực (Tách từ khoa Hồi sức cấp cứu)
- Khoa Chẩn đoán hình ảnh – thăm dò chức năng (Tách từ khoa Cận lâm

sàng)

- Khoa Xét nghiệm (Tách từ khoa Cận lâm sàng)
- Khoa Dược
- Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Năm 2018

a) *Lãnh đạo Bệnh viện: như 2017*

b) *Các phòng chức năng: Tối đa 05 phòng (tách phòng Tổ chức hành chính thành 02 phòng):*

- Phòng Tổ chức cán bộ (Tách từ Phòng Tổ chức hành chính)

- Phòng Hành chính quản trị (Tách từ Phòng Tổ chức hành chính)
- Phòng Kế hoạch tổng hợp;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Phòng Điều dưỡng

c) Các khoa: như 2017

Năm 2019

a) Lãnh đạo Bệnh viện và các phòng chức năng: như 2018

b) Các khoa: Tối đa 18 khoa, trên cơ sở các khoa như năm 2017, dự kiến chia tách, thành lập thêm các khoa như sau:

- Khoa Vật lý trị liệu phục hồi chức năng (Tách từ khoa Đông Y)
- Khoa Dinh dưỡng và tiết chế (Thành lập mới)
- Khoa Khám chữa bệnh theo yêu cầu (Thành lập mới).

Căn cứ quy định về cơ cấu, tổ chức bộ máy đã được UBND tỉnh quy định trong Phương án tự chủ này và Quyết định giao quyền tự chủ, Giám đốc Bệnh viện được thực hiện quy trình và quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực, tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành của cơ quan quản lý. Trước và sau khi ban hành quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các khoa, phòng, đơn vị trực thuộc, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

3. Tự chủ về nhân sự

a) Hằng năm, Bệnh viện xây dựng Đề án vị trí việc làm, Đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo quy định tại Nghị định 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành khác, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Căn cứ kế hoạch chỉ tiêu giường bệnh, định mức biên chế quy định tại Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/06/2007 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, các điều kiện khả năng và tình hình thực tế của đơn vị. Dự kiến biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa của Bệnh viện (theo chỉ tiêu giường bệnh kế hoạch giai đoạn 2017-2019), cụ thể như sau:

Năm	Biên chế, số người làm việc tối thiểu	Biên chế, số người làm việc tối đa
2017	200 giường x 1,25 = 250 người	200 giường x 1,4 = 280 người
2018	200 giường x 1,25 = 250 người	200 giường x 1,4 = 280 người
2019	200 giường x 1,25 = 250 người	200 giường x 1,4 = 280 người

(*) Trong quá trình thực hiện Phương án, nếu Bệnh viện được nâng hạng, hoặc có sự điều chỉnh khác về chỉ tiêu giường bệnh, định mức biên chế của Nhà

nước thì Bệnh viện đề nghị Sở Y tế, Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

c) Căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc tối thiểu, tối đa trong Phương án tự chủ, Bệnh viện được quyết định số người làm việc tại Bệnh viện. Trước và sau khi ban hành quyết định chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

d) Căn cứ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc, định mức số lượng, cơ cấu chức danh quy định tại Thông tư số 08/2007/TTLT-BYT-BNV của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, nhu cầu công việc, quỹ tiền lương của đơn vị. Hằng năm, Bệnh viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trong đó nêu rõ yêu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu viên chức cần thiết của từng tổ chức khoa, phòng, đơn vị trực thuộc.

đ) Bệnh viện được quyết định kế hoạch tuyển dụng viên chức, người lao động của đơn vị mình để đảm bảo thực hiện hoạt động chuyên môn. Trước và sau khi ban hành quyết định về kế hoạch tuyển dụng viên chức, người lao động, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

e) Bệnh viện được quyết định tuyển dụng viên chức thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển; được ký kết hợp đồng lao động để thực hiện những công việc mà không cần bố trí biên chế thường xuyên và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trước và sau khi ban hành quyết định tuyển dụng viên chức hoặc ký kết hợp đồng lao động, Bệnh viện có trách nhiệm báo cáo Sở Y tế và Sở Nội vụ kế hoạch và kết quả thực hiện để tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát theo quy định hiện hành.

g) Việc tuyển dụng viên chức và ký kết hợp đồng lao động trong Bệnh viện phải thực hiện đúng theo quy trình, quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 15/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ, Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An và các quy định hiện hành khác có liên quan.

h) Các chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động trong Bệnh viện thực hiện theo quy định của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và các quy định của Pháp luật.

4. Tự chủ về tài chính

4.1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn tài chính được giao tự chủ

- Nguồn thu sự nghiệp từ việc cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh (Bao gồm khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và viện phí). Cụ thể:

+ Nguồn thu được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015;

+ Nguồn thu viện phí (không có BHYT): Thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Nguồn thu phí theo pháp luật quy định về phí, lệ phí, được để lại chi theo quy định (phần được để lại chi các hoạt động thường xuyên nếu có).

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Nguồn tài chính không giao tự chủ

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có) gồm: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ; Kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia; Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp trên giao; Kinh phí phụ cấp khu vực theo địa lý hành chính (nếu có).

- Nguồn viện trợ, tài trợ, nguồn khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị

a) Chi thường xuyên

Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ nêu tại Điểm a, Điểm b (phần được để lại chi hoạt động thường xuyên) khoản 4.1 để chi thường xuyên, bao gồm:

- Chi tiền lương: Chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công (kể cả khi nhà nước điều chỉnh tiền lương thì đơn vị cũng phải tự đảm bảo tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị).

- Chi cho các hoạt động chuyên môn, quản lý:

+ Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, Bệnh viện được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn so với mức chi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Việc thực hiện phải được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị (Quy chế chi tiêu nội bộ được đơn vị xây dựng, bổ sung và thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm và báo cáo xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành). Riêng đối với định mức sử dụng xe ô tô, nhà làm việc, trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng, công tác phí nước ngoài, tiếp khách nước ngoài...: Đơn vị không được quyết định mức chi cao hơn mức quy định của Nhà nước.

+ Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng định mức chi cho phù hợp và được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

+ Căn cứ vào tính chất công việc, Thủ trưởng đơn vị có quyền quyết định phương thức khoán chi cho từng bộ phận, khoa/phòng trực thuộc nhằm sử dụng nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

- Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định: Số kinh phí thu khấu hao được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện để duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn. Số thu khấu hao của các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động được sử dụng để chi trả gốc tiền vay, lãi vay theo các hợp đồng vay vốn, huy động vốn.

b) Chi nhiệm vụ không thường xuyên

Đơn vị chi theo quy định của Luật ngân sách, pháp luật và quy định hiện hành đối với từng nguồn kinh phí được nêu tại điểm b khoản 4.1.

4.3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

Phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy định hiện hành khác của Nhà nước.

Việc sử dụng các nguồn quỹ được thực hiện trên nguyên tắc hợp lý, đúng mục đích, hiệu quả theo các quy định của Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành khác của nhà nước. Giám đốc Bệnh viện quyết định việc sử dụng các loại quỹ trên cơ sở quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4.4. Tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn thu và giao dịch tài chính

Việc tự chủ trong quản lý, sử dụng nguồn thu và giao dịch tài chính được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012; Điều 16, 17 của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành khác của Nhà nước.

4.5. Về dự toán thu – chi cho hoạt động thường xuyên dự kiến trong 3 năm (Có Phụ lục 03 kèm theo).

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An

Tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo lộ trình được phê duyệt, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở Y tế.

Định kỳ 06 tháng và cả năm báo cáo UBND tỉnh và Sở Y tế kết quả triển khai thực hiện. Tổ chức đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện sau khi Phương án tự chủ giai đoạn 2017 – 2019 kết thúc, đồng thời đề xuất loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

2. Sở Y tế

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện để Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An thực hiện Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm được phê duyệt theo đúng nội dung, mục đích và quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Y tế để hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An theo đúng quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan tham mưu/giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác tổ chức bộ máy, tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức, hợp đồng lao động ... đối với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An theo quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hàng năm cân đối nguồn kinh phí, tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An (ngoài danh mục tự chủ).

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, trong đó chú trọng truyền thông về mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận các huyện, thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp với ngành y tế tuyên truyền về công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, trong đó có Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An.

8. Các sở, ngành liên quan

Phối hợp với Sở Y tế tạo điều kiện giúp đỡ Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An tổ chức triển khai thực hiện tốt Phương án này.

Trên đây là Phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính giai đoạn 2017-2019 của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tây Nam Nghệ An. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá hiệu quả hoạt động của Bệnh viện sau khi kết thúc Phương án tự chủ giai đoạn 2017-2019 để tham mưu UBND tỉnh xem xét quyết định về loại hình hoạt động của Bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, căn cứ phương án này để triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu gặp các vấn đề phát sinh, bắt cập các đơn vị gửi ý kiến (bằng văn bản) về Sở Y tế để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh ./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông

PHỤ LỤC SỐ 01:**DANH SÁCH CÁC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HIỆN CÓ CỦA BỆNH VIỆN***(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Nam Nghệ An giai đoạn 2017-2019)***Phê duyệt tại Quyết định số 1988/QĐ-UBND, ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)**

STT	Tên thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng hoạt động
1	Máy X-Q di động Cao tần SHIMADZU	2007	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
2	Máy X-Quang SHIMADZU kỹ thuật số vi tính DR	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
3	Hệ thống chụp Cắt lớp vi tính 16 Lát cắt Alexion	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
4	Máy X-Quang chụp răng DX-073 SD: 2009	2009	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
5	Máy siêu âm doppler màu 3-4D	2011	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
6	Máy siêu âm đen trắng	2010	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
7	Máy siêu âm đen trắng	2001	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
8	Máy điện não đồ	2011	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
9	Máy điện tim 3 cân.	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
10	Tủ lạnh bảo quản máu	2001	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
11	Máy li tâm	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
12	Máy ly tâm	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
13	Kính hiển vi	2014	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
14	Máy phân tích nước tiểu	2008	Mới 100%		Hoạt động tốt
15	Đèn mổ 12 bóng	2004	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
16	Đèn mổ treo trần 1 bóng ánh sáng lạnh	2007	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
17	Bàn mổ đa năng	2002	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
18	Bàn mổ đa năng	2011	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
19	Bồn rửa tay vô trùng Composit	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
20	Monitor theo dõi BN 6TS	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
21	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	2012	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
22	Máy hút dịch	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
23	Máy hút dịch áp lực	2006	Mới 100%	1	Hoạt động tốt

STT	Tên thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng hoạt động
	tháp SD: 2007				
24	Dao mổ điện cao tần SD: 3-2005	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
25	Dao mổ điện cao tần	2011	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
26	Bơm tiêm điện	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
27	Máy hút điện	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
28	Máy tạo oxy từ khí trời	1013	Mới 100%	5	Hoạt động tốt
29	Máy gây mê kèm thở	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
30	Monitor theo dõi bệnh nhân 6TS	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
31	Tủ sấy 250° 150L	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
32	Monitor 6 TS	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
33	Bơm tiêm điện	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
34	Máy truyền dịch	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
35	Bàn mổ chỉnh hình	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
36	Bộ phẫu thuật đóng đinh SIGN	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
37	Bộ phẫu thuật DSH	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
38	Bộ phẫu thuật nội soi ổ bụng và tiết niệu (Dàn máy dùng 3 chip CCD)	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
39	Đèn mổ treo trần	2015	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
40	Máy gây mê kèm thở + máy nén khí	2015	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
41	Dao mổ điện cao tần	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
42	Bồn rửa tay tự động vô trùng Composite 2 vòi	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
43	Giường âm trẻ sơ sinh	1999	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
44	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1999	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
45	Máy hút dịch SD:2006	2005	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
46	Máy siêu âm đen trắng	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
47	Đèn chiếu vàng da	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
18	Máy hút điện	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
49	Lồng ấp trẻ sơ sinh	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
50	Monitor 5 TS	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
51	Máy đốt cổ tử cung	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt

STT	Tên thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng hoạt động
52	Máy soi cổ tử cung	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
53	Máy truyền dịch	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
54	Monitor sản khoa	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
55	Máy cắt đốt cổ tử cung(Dao mổ điện)	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
56	Bồn tắm trẻ	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
57	Đèn khám bệnh 1 bóng	2001	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
58	Máy khí dung	2005	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
59	Đèn khám bệnh 1 bóng chân đứng	2006	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
60	Monitor theo dõi bệnh nhân: 5TS	2006	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
61	Monitor theo dõi BN 5TS	2012	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
62	Monitor theo dõi b/n 5:TS	2012	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
63	Máy hút dịch SD:2006	2005	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
64	Máy điện tim 3cân SD:2008	2007	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
65	Máy điện tim 3 cân	2012	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
66	Bơm tiêm điện	2009	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
67	Giường cấp cứu đa năng	2012	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
68	Giường cấp cứu đa năng	2012	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
69	Bơm truyền dịch	2013	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
70	Máy thở SD:2014	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
71	Bơm tiêm điện	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
72	Bơm truyền dịch SD:2009	2009	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
73	Máy phá tạo nhịp tim	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
74	Bơm tiêm điện	2014	Mới 100%	4	Hoạt động tốt
75	Máy truyền dịch	2014	Mới 100%	3	Hoạt động tốt
76	Monitor 5 TS	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
77	Máy đo chức năng hô hấp	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
78	Máy thở xâm nhập	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
79	Monitor theo dõi b/n -5 TS	2012	Mới 100%	2	Hoạt động tốt
80	Giường điều khiển bằng tay 02 chức	2016	Mới 100%	20	Hoạt động tốt

STT	Tên thiết bị	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng khi đưa vào sử dụng	Số lượng	Tình trạng hoạt động
	năng				
81	Hệ thống gọi báo y tá	2016	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
82	Giường cấp cứu điều khiển bằng điện đa chức năng	2016	Mới 100%	5	Hoạt động tốt
83	Ghế máy răng	2004	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
84	Máy hút dịch	2007	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
85	Hệ thống nội soi T. M.H	2011	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
86	Kính hiển vi phẫu thuật không camera	2008	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
87	Sinh hiển vi mắt	2008	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
88	Máy siêu âm mắt	2010	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
89	Máy ZAVA kế	2009	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
90	Máy khí dung	2013	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
91	Bộ khám điều trị Răng Hàm Mặt+ Ghế+ Máy lấy cao răng siêu âm	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
92	Máy soi thực quản cứng	2014	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
93	Hệ thống phẫu thuật mắt bằng phương pháp Pha Co	2016	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
94	Máy sắc thuốc 16 bếp	2010	Mới 100%	1	Hoạt động tốt
95	Máy sắc thuốc 16 Bếp	2015	Mới 100%	1	Hoạt động tốt

PHỤ LỤC SỐ 02:**BÁO CÁO THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2014-2016***(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Nam Nghệ An giai đoạn 2017-2019)*Phê duyệt tại Quyết định số ~~177~~ **177**/QĐ-UBND, ngày ~~17~~ **17**/5/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
I	Thu thường xuyên	33.387.827.539	49.372.630.245	63.706.028.113
1	Nguồn Ngân sách Nhà nước cấp	15.112.999.776	17.203.555.000	17.012.000.000
2	Nguồn thu Bảo hiểm y tế	14.595.088.653	28.279.624.554	41.343.045.769
3	Nguồn thu viện phí	2.539.385.565	3.079.134.311	3.986.180.344
4	Nguồn thu dịch vụ khác	1.140.353.545	810.316.380	1.364.802.000
II	Chi thường xuyên	28.536.541.815	39.706.859.836	40.881.429.385
1	Tiền lương	6.556.571.261	6.719.994.043	8.033.194.931
2	Phụ cấp lương	6.701.516.277	8.739.383.044	7.360.294.380
3	Các khoản đóng góp	1.609.532.364	1.540.186.508	2.069.878.258
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	592.104.712	792.849.400	835.780.560
5	Vật tư văn phòng	261.158.700	210.690.503	428.926.000
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	63.103.870	60.862.919	86.325.745
7	Công tác phí	231.434.000	325.470.000	258.273.800
8	Sửa chữa tài sản, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở	226.679.500	264.719.434	232.707.000
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	11.552.360.831	18.815.677.635	20.344.836.151
10	Chi khác	192.380.300	787.926.350	312.467.560
11	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn	549.700.000	1.449.100.000	918.745.000
III	Trích 35% bù lương	3.927.820.000		

IV	Chênh lệch thu. chi trích lập các quỹ (IV=I-II-III)	6.052.573.330	7.416.071.523	8.587.159.900
1	Quỹ thu nhập tăng thêm	3.356.543.759	4.031.450.030	4.057.014.900
2	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp	1.010.901.089	1.832.474.741	2.542.858.600
3	Quỹ Phúc lợi	1.010.901.089	819.151.696	986.142.800
4	Quỹ Khen thưởng	674.227.393	366.497.528	500.571.800
5	Quỹ Dự phòng ổn định thu nhập	337.968.597	366.497.528	500.571.800

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN THU, CHI
HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2017 – 2019
(Kèm theo Phương án tự chủ của Bệnh viện ĐKKV Tây Nam Nghệ An giai đoạn 2017-2019)
 Phê duyệt tại Quyết định số ~~1988~~ **1988** QĐ-UBND, ngày ~~15~~ **15** /5/2017 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
I	Thu thường xuyên	57.500.000.000	61.000.000.000	64.200.000.000
1	Nguồn thu Bảo hiểm y tế	52.000.000.000	55.000.000.000	58.000.000.000
2	Nguồn thu viện phí	4.100.000.000	4.500.000.000	4.600.000.000
3	Nguồn thu dịch vụ khác	1.400.000.000	1.500.000.000	1.600.000.000
II	Chi thường xuyên	47.110.000.000	50.200.000.000	53.255.000.000
1	Tiền lương	8.100.000.000	8.500.000.000	8.900.000.000
2	Phụ cấp lương	7.600.000.000	8.000.000.000	8.400.000.000
3	Các khoản đóng góp	2.100.000.000	2.350.000.000	2.650.000.000
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	950.000.000	970.000.000	1.050.000.000
5	Vật tư văn phòng	450.000.000	550.000.000	750.000.000
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	100.000.000	130.000.000	150.000.000
7	Công tác phí	520.000.000	850.000.000	975.000.000
8	Sửa chữa tài sản, duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng cơ sở	750.000.000	1.000.000.000	1.300.000.000
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	25.000.000.000	26.000.000.000	27.00.000.000
10	Chi khác	540.000.000	750.000.000	980.000.000
11	Mua sắm TS dùng cho công tác chuyên môn	1.000.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
III	Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ (III=I-II)	10.390.000.000	10.800.000.000	10.945.000.000
1	Quỹ thu nhập tăng thêm (50%)	5.195.000.000	5.400.000.000	5.472.500.000
2	Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp (30%)	3.117.000.000	3.240.000.000	3.283.500.000

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
3	Quỹ Phúc lợi (10%)	1.039.000.000	1.080.000.000	1.094.500.000
4	Quỹ Khen thưởng (5%)	519.500.000	540.000.000	547.250.000
5	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập (5%)	519.500.000	540.000.000	547.250.000

